

NGÔN NGỮ

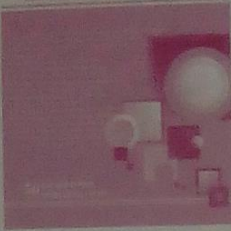
TẠP CHÍ CỦA
HỘI NGÔN NGỮ HỌC VIỆT NAM
SỐ 8 (250) 2016

ISSN 0868 - 3409

& đời sống

- Xây dựng hình tượng nhân vật trong truyện ngắn qua việc dùng từ địa phương
- Cơ chế hình thành và giải mã điển cố trong văn học trung đại
- Ngôn ngữ nghệ thuật của tiểu thuyết *Những ngả tư và những cột đèn*
- Ngôn từ trong tùy bút
- Loại hình nhịp và nhịp thơ trong tiếng Việt
- Viết hoa tên cơ quan, tổ chức trong tiếng Việt
- Dạy từ mới cho học sinh tiểu học trong đọc hiểu văn bản
- Thành ngữ trong truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long
- Vai trò của ngôn ngữ trong tiếp nhận văn học
- Ngôn ngữ trong tuyển tập *Chạy...* của Hữu Thọ
- Phê bình văn học từ góc độ ngôn từ
- Sự ám ảnh của cú pháp trong truyện ngắn yêu nước 1965-1975
- Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết *Người chậm*
- Tiếp cận bài ca dao nghi lễ trong *Bất sầu rừng U Minh Hạ*
- Cấu trúc tu từ của phần dẫn nhập bài báo nghiên cứu tiếng Anh
- Phát triển tư duy phê phán trong viết luận:
tác động của diễn đàn trên facebook

50 NĂM KHOA SU PHẠM
1966 - 2016 **TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**



NGÔN NGỮ & đời sống

LANGUAGE AND LIFE

TẠP CHÍ CỦA HỘI NGÔN NGỮ HỌC VIỆT NAM
A JOURNAL OF LINGUISTICS SOCIETY OF VIETNAM

NĂM THỨ 22
Ra mỗi tháng một số
Số 8 (250) - 2016

BAN BIÊN TẬP

PGS.TS HOÀNG DŨNG
TS. DƯƠNG KỲ ĐỨC
TS. NGUYỄN VĂN HẢI
PGS.TS PHAN VĂN HÒA
GS.TSKH NGUYỄN QUANG HỒNG
PGS.TS BÙI MẠNH HÙNG
CN. PHAN ĐĂNG KHOA
PGS.TS ĐẶNG NGỌC LỆ
GS.TS ĐỖ THỊ KIM LIÊN
PGS.TS TRẦN VĂN PHƯỚC
TS. NGUYỄN THỊ KIM THANH
PGS. TS. LÊ VĂN THANH
GS.TSKH LÝ TOÀN THẮNG
GS.TS LÊ QUANG THIÊM
PGS.TS TẠ VĂN THÔNG
TS. HUỖNH CÔNG TÍN
PGS.TS NGUYỄN LÂN TRUNG

TRỊ SỰ

ThS. ĐẶNG KIM DUNG

GPXB: 244/GP-BTTTT (7-8-2014)
Chỉ số: ISSN 0868 - 3409
In tại Nxb Chính trị Quốc gia

TRỤ SỞ TÒA SOẠN:

Tầng 1, nhà C, ngõ 301 đường
Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: (84) (04) 3.7624212; E-mail:
ngonnguvadoisong@gmail.com

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN:

TẠI ĐÀ NẴNG: 131 Lương Nhữ
Hộc, quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng.
ĐT: 0905110759

Tổng biên tập: GS.TS Nguyễn Văn Khang
Phó Tổng biên tập: PGS.TS Phạm Văn Hào
PGS.TS Phan Văn Quế

NGUYỄN VĂN NỖ - NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA: Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật trong truyện ngắn của Sơn Nam (khảo sát qua việc dùng từ địa phương Nam Bộ).....	1
NGUYỄN KIM CHÂU: Cơ chế hình thành và giải mã điển cố trong văn học trung đại Việt Nam.....	10
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH: Những sáng tạo trong ngôn ngữ nghệ thuật của tiểu thuyết <i>Những ngã tư và những cột đèn</i> của Trần Dần.....	16
TRẦN VĂN MINH: Vẻ đẹp ngôn từ trong tùy bút.....	22
CHIM VĂN BÉ: Loại hình nhịp và nhịp thơ tiếng Việt.....	30
NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP: Vấn đề viết hoa tên cơ quan, tổ chức trong tiếng Việt.....	31
TRỊNH THỊ HƯƠNG & LỮ HÙNG MINH: Dạy từ mới cho học sinh tiểu học trong đọc hiểu văn bản.....	4
NGUYỄN THỤY THÙY DƯƠNG: Giá trị biểu đạt của thành ngữ trong truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long.....	40
LÊ THỊ NHIÊN: Vai trò của ngôn ngữ trong tiếp nhận văn học (qua nghiên cứu loại hình kí).....	50
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH: Tìm hiểu ngôn ngữ trong tuyển tập tiểu phẩm báo chí <i>Chạy...</i> của Hữu Thọ.....	61
BÙI THỊ THÚY MINH: Phê bình văn học trong tác phẩm văn chương từ góc độ ngôn từ của <i>Kim Thánh Thán</i>	7
BÙI THANH THẢO: Sự ám ảnh của cú pháp trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975.....	81
PHẠM TUẤN ANH: Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết <i>Người chậm</i> của John Maxwell Coetzee.....	80
TRẦN VĂN THỊNH: Tiếp cận bài ca dao nghi lễ trong <i>Bất sáu rừng U Minh Hạ</i> của nhà văn Sơn Nam.....	90
ĐỖ XUÂN HẢI: Cấu trúc tu từ của phần dẫn nhập bài báo nghiên cứu tiếng Anh.....	90
PHAN VIỆT THẮNG - NGUYỄN VĂN LỢI: Phát triển tư duy phê phán trong viết luận: tác động của diễn đàn thảo luận trên facebook.....	0

LANGUAGE AND LIFE

A JOURNAL
OF LINGUISTICS SOCIETY OF VIETNAM

AUGUST
8(250)-2016

Editor-in-Chief
PROF.DR NGUYEN VAN KHANG

Vice Editors-in-Chief
ASSOC.PROF.DR.PHAM VAN HAO
ASSOC.PROF.DR.PHAN VAN QUE

Editorial Board
ASSOC.PROF.HOANG DUNG
DR.DUONG KY DUC
DR. NGUYEN VAN HAI
ASSOC.PROF.DR.PHAN VAN HOA
PROF.DR.NGUYEN QUANG HONG
ASSOC.PROF.DR. BUI MANH HUNG
PHAN DANG KHOA B.A
ASSOC.PROF.DR.DANG NGOC LE
PROF.DR.DO THI KIM LIEN
ASSOC.PROF.DR.TRAN VAN PHUOC
DR.NGUYEN THI KIM THANH
ASSOC.DR.LE VAN THANH
PROF.DR.LY TOAN THANG
PROF.DR.LE QUANG THIEM
ASSOC.PROF.DR.TA VAN THONG
ASSOC.PROF.DR.NGUYEN LAN TRUNG

Administrator
DANG KIM DUNG M.A
Editorial Office: Floor 1, House C, Lane 301 Nguyen T
Street, Thanh Xuan District, Hanoi.
Tel: (84) (04) 3.7624212
E-mail: ngonnguvadoisong@gmail.com

Representative Office:
In Da Nang City: 131 Luong Nhu Hoc, Cam Le District
Nang City; Tel: 0905110759
Licence: 244/GP-BVHTT (7-8-2014)
Index: ISSN 0868 - 3409

LANGUAGE AND LIFE
Is a monthly journal
published by the
Linguistics Society of Vietnam to promote and
pursue the scientific description and study of
the evolution and structure of languages. At the
same time, the Journal addresses a wider public,
offering news on linguistics findings,
answering queries about language, and
supporting different efforts to disseminate
linguistics perspectives on language issues.
Language and life also help improve the
linguistics level of readers interested in and wish
to learn more about Vietnamese and make it a
uniform, standardized and
beautiful
language.

Giá: 25.000

SỰ ÁM ẢNH CỦA CÚ PHÁP TRONG TRUYỆN NGẮN YÊU NƯỚC Ở ĐÔ THỊ MIỀN NAM 1965-1975

SYNTACTIC EFFECTS IN PATRIOTIC SHORT STORIES IN SOUTHERN
VIETNAM BETWEEN 1965 AND 1975

BÙI THANH THẢO

(ThS; Trường Đại học Cần Thơ)

1. Mở đầu

Truyện ngắn trong khuynh hướng yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975 là một mảng văn học đặc biệt, hình thành trong điều kiện bị chính quyền Sài Gòn kiểm duyệt gắt gao nhưng vẫn hướng đến mục đích đấu tranh quyết liệt cho hòa bình, độc lập dân tộc. Chính vì vậy, không ít người vẫn mặc định rằng, mảng văn học này chỉ có giá trị ở nội dung tranh đấu tức thời, còn giá trị nghệ thuật thì rất hạn chế. Tuy nhiên, khi khảo sát 362 truyện ngắn trong nhóm này, chúng tôi nhận thấy có nhiều phương diện nghệ thuật khá độc đáo, trong đó có sự ám ảnh của cú pháp.

Đọc truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975, người đọc bị ám ảnh không chỉ vì nội dung thể hiện mà còn vì một số kiểu câu đặc biệt, trở đi trở lại nhiều lần. Trước hết cũng phải thừa nhận rằng, không phải cây bút nào, tác phẩm nào ở mảng này cũng tạo được sự ám ảnh đó. Chẳng hạn theo chúng tôi, đọc Sơn Nam người đọc thấy rất bình yên, cả về nội dung lẫn hình thức. Có lẽ vì truyện của ông chủ yếu là những chuyện nhẹ nhàng, mộc mạc kiểu Nam bộ xưa chứ ít có không khí xô bồ hay giằng xé của thực tại đương thời nên câu văn cũng phù hợp với nội dung đó, thường đơn giản. Một số tác giả khác mà chúng tôi chỉ tập hợp được rất ít tác phẩm (mỗi người vài truyện) thì cũng rất khó để nhận định khái quát về phương diện này. Chúng tôi chú ý đến một số tên tuổi như Võ Hồng, Bình Nguyên Lộc, nhóm Việt, Ngụy Ngữ, ... khi đề cập đến vấn đề cú pháp.

2. Những dấu hiệu thể hiện sự ám ảnh của cú pháp trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975

2.1. Sự ám ảnh từ dấu chấm hỏi

Xét theo mục đích phát ngôn, có một loại câu mà chúng tôi rất chú ý ở mảng truyện ngắn này: câu hỏi. Nhưng đó không phải là câu nghi vấn trong đối thoại mà chủ yếu là câu hỏi tu từ, câu tự vấn trong độc thoại của nhân vật. Nghi vấn trong đối thoại là để được người tiếp nhận giải đáp, trao đổi thông tin; còn tự vấn trong độc thoại là hình thức chất vấn chính bản thân mình, về những băn khoăn thầm kín không thể chia sẻ cùng ai. Theo quan sát của chúng tôi, trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975, câu hỏi tự vấn của nhân vật thường phục vụ hai mục đích chính: hoặc là để bộc lộ tính cách, bản chất nhân vật; hoặc là để thể hiện quá trình nhận thức của nhân vật.

Ở dạng thứ nhất, câu hỏi tự vấn là một cách hiệu quả để bộc lộ bản chất nhân vật. Nhà văn (người trần thuật) đặt mình vào vị thế nhìn thấu tâm can nhân vật để thuật lại lời tự vấn của nó, từ đó giúp người đọc khám phá ra bản chất thực sự của nhân vật. Trong *Ngủ áp* (Trần Hữu Lục), hàng loạt câu hỏi xuất hiện trong đầu ông Âu khi hay tin sắp phải đi ngủ áp: “Sao lại phải đi ngủ áp giữa những ngày cuối năm? Cần gì phải ngủ áp mới nằm được dân, giữ được dân? Thế thì bao lâu nay chính phủ ta không có dân à? Ời bây vể, thành thị còn chưa được lòng dân lại còn ôm đồm nông thôn?” [3, tr.128-129]. Người đọc khó có thể giấu được nụ cười thú

vị khi đọc những dòng này, bởi chính chúng tố cáo sự lười biếng, thủ lợi của những công chức như ông Âu; đồng thời vạch trần cả sự thất bại của chính quyền trong việc tạo dựng một đời sống “lí tưởng”. Còn gì thú vị và thuyết phục hơn những lời tự đáy lòng nhân vật! Trong *Nước võ chân cầu*, Huỳnh Ngọc Sơn tái hiện hàng loạt câu hỏi trong đầu ông thiếu úy gác cầu khi nghe tin có xác trôi sông: “*Nhưng xác chết ai mà có súng? Không lẽ xác thường dân? (...). Chỉ có địch, chắc thế. Đi mò mẫm đêm hôm mới dễ sảy chân trôi tuột chứ? (...). Súng của ai? À, mà lỡ ra đó là xác của lính Cộng hoà hay xác lính Mỹ thì sao?*”. Những câu tự vấn đó là toan tính của ông ta, để xem có thể thu được lợi gì từ một cái xác. Tiếng nói của người trong cuộc, mà lại là nói thầm với chính mình, bao giờ cũng chân thật nhất, vì không cần phải che đậy hay biểu diễn với ai. Vì thế, chúng dễ dàng bộc lộ bản chất con người.

Dạng thứ hai, chiếm số lượng nhiều nhất, chính là câu hỏi tự vấn xuất hiện trong dòng suy tư của nhân vật để thể hiện quá trình nhận thức: *Sống thắm* (Võ Trường Chinh) có 16 câu, *Những người không sống* (Võ Trường Chinh) có 6 câu, *Người tình lạ mặt* (Trần Hữu Lục) có 23 câu, *Đá trăm năm* (Trần Hữu Lục) có 16 câu, *Còn quê hương để trở về* (Trần Hữu Lục) có 7 câu, *Trận tuyến âm thầm* (Trần Hồng Quang) có 35 câu, *Tiềm sinh* (Vô Ưu) có 19 câu, *Những vòng hoa nguy tín* (Thế Vũ) có 19 câu, *Chạy đua với tử thần* (Nguyễn Văn Xuân) có 64 câu,... Sự nhận thức ở đây cũng rất đa dạng. Nhận thức về thực tại là điều đầu tiên mà các nhà văn muốn thể hiện qua câu hỏi tự vấn. 64 câu hỏi trong *Chạy đua với tử thần* (Nguyễn Văn Xuân) là trải nghiệm của người tù với nhiều cung bậc cảm xúc: ngạc nhiên, sợ hãi, thắc mắc, âu lo,... cho thấy tình cảnh, số phận và tâm tư những con người nhỏ bé dưới chế độ lao tù hà khắc và vô lí của thực dân Pháp. Và câu chuyện trong nhà tù ấy thực ra cũng chỉ là cái cớ để tác giả nói đến cuộc sống của

nhân dân miền Nam lúc bấy giờ. Trong số các truyện ngắn chứa nhiều câu hỏi tự vấn, đây là tác phẩm duy nhất mượn xưa nói nay, các truyện còn lại đều nhìn thẳng vào thực tại đương thời, với những tình huống, những suy tư ngôn ngôn chất sống hiện thực.

Với *Sống thắm*, *Những người không sống* (Võ Trường Chinh), người đọc thấy được nhận thức của dân nghèo đô thị trước những nghịch lí của thực tại mà họ chứng kiến: “*Tại sao em không được đi học như mọi người? Tại sao em không được quyền có một chút tương lai? Tại sao chúng ta nghèo đói, bị hắt hủi, bị khinh miệt, bị chà đạp từ kiếp đời này tới kiếp đời khác vậy Thiên?*” (*Sống thắm*). Lời người chị nói với em trai (nói trong tâm tưởng) chính là những dằn vặt, đau đớn cho em trai, cho chính mình, cho những thanh thiếu niên như mình với hiện tại đen tối và tương lai mờ mịt. Đó cũng chính là cách đề tác giả “đặt vấn đề” với xã hội đương thời, bày tỏ sự bất bình trước những bất công mà người dân nghèo phải chịu đựng.

Cũng thể hiện nhận thức của thanh niên, nhưng 19 câu hỏi trong *Tiềm sinh* (Vô Ưu) mang tính chất lạc quan hơn. Qua 19 câu hỏi đó, nhân vật đã đến gần với quê hương hơn, hiểu được sức sống tiềm tàng mãnh liệt trên mảnh đất đầy bom đạn quê mình. Với *Người tình lạ mặt* (Trần Hữu Lục), 23 câu hỏi chứa đựng sự đấu tranh nội tâm và quá trình chuyển biến của Thiều, từ chỗ ghen ghét với Thượng, thờ ơ với “bên kia” (cách mạng), đến chỗ tự mình gióng lên tiếng chuông báo hiệu cho mọi người cứu Thượng, cũng chính là tiếng chuông thức tỉnh anh về với con đường chống ngoại xâm. Có thể thấy, câu hỏi tự vấn thể hiện nhận thức của thanh niên cũng rất đa dạng, từ nhận thức về số phận, tình cảnh của mình, của nhân dân miền Nam, đến nhận thức về con đường tranh đấu để thay đổi tình cảnh đó. Đây cũng là một cách khéo léo để các tác giả tác động đến nhận thức của nhân dân, nhất là thanh niên, nhằm hướng họ

đến con đường tìm về với dân tộc, đấu tranh cho độc lập dân tộc.

Trong các tác phẩm chứa nhiều câu hỏi dạng này, chúng tôi cũng rất chú ý đến những truyện về người lính quân đội Sài Gòn. *Còn quê hương để trở về* (Trần Hữu Lục), *Những vòng hoa nguy tín* (Thế Vũ) chứa hàng loạt câu hỏi thể hiện sự nhận thức của người lính về thân phận của họ, về tính chất "nguy tín" của chính quyền, quân đội, cuộc chiến, về lựa chọn tha trốn đi để còn có quê hương mà trở về. Chắc hẳn nhiều người lính đã bắt gặp chính mình trong dòng suy tư, tự vấn của "tôi" (*Những vòng hoa nguy tín*): "...tôi lại tự hỏi liệu mình còn sống được bao lâu nữa, tôi còn phải tự đánh lừa mình và đánh lừa người khác, xảo trá, nguy tắc trong cái hoàn cảnh phàn trắc hiện nay bao lâu nữa, và nhất là tôi còn bị người ta tung hô và nguyên rủa, lợi dụng và vỗ về, lừa đảo và chèn ép bao lâu nữa? (...) ...tôi đã nghĩ đến một điều đã ám ảnh tôi và nhiều người khác quanh tôi từ rất lâu rồi: thực ra, tôi đang chiến đấu cho ông tiểu đoàn trưởng, cho ông trung tá, cho ông tướng, cho ông tổng thống hay cho cá nhân tôi, hay cho tất cả những điều mà tôi đã nghe vẽ vời trên những bức tường cũ trong các thành phố lớn nhỏ, những điều như tự do, độc lập, đất nước, quê hương, dân tộc, tổ quốc, những điều như bản thân, gia đình, hòa bình, no ấm?" [10, tr.11]. So với những câu tự vấn ngắn gọn đầy toan tính của các quan chức chính quyền Sài Gòn trong *Ngủ áp* hay *Nước vỡ chân cầu* (đã phân tích ở trên), dòng tự vấn của người lính trong ví dụ này dài miên man, chất chứa quá nhiều những điều băn khoăn, dằn vặt mà chính họ tìm mãi không được câu trả lời.

Cũng thể hiện quá trình nhận thức của người lính quân đội Sài Gòn, câu hỏi tự vấn trong truyện *Ngụy Ngữ* có thể xem là đỉnh điểm của sự bế tắc, quẩn quanh. Chỉ trừ *Tiếng hát con say* với 31 câu hỏi tự vấn là của một cô gái trẻ, tự đối thoại với bản thân và với người yêu (là lính) vắng mặt; còn lại các

truyện khác đều viết về người lính: *Ngoài tầm tiếng kêu* có 6 câu hỏi trong chỉ 1 đoạn ngắn, *Con thú tật nguyên* có 18 câu, *Phố sang thu* có 6 câu,...Đó là những câu hỏi mà bản thân người lính cũng không có đáp án, vì chính họ cũng không biết họ sẽ ra sao, về đâu, chiến đấu cho cái gì trong cuộc chiến mờ mịt này: "*Có phải cuộc đời mà vì nó mà ra đi là cuộc đời đang vây quanh đây không, cuộc đời đang hiện lên những khuôn mặt già yếu, giá lạnh, đốt nền thấp nhang, đời hỏi là cờ. Có phải? Hay còn những cuộc đời nào? (...) Còn tôi, tôi đang sống, tôi về đây và tôi sẽ ra sao trong chiều nay, trong ngày mai?*" (*Con thú tật nguyên*) [3, tr.192]. 12 câu hỏi trong *Người về* của Thế Vũ cũng là sự hoang mang tột cùng của người lính: "...liệu anh sẽ làm gì trong những ngày sắp tới? Liệu anh phải chiến đấu như thế nào từ giây phút đó?... đêm sẽ sáng lúc nào, bom sẽ triệt hạ khu vực giao tranh lúc nào, và số phận bọn họ ra sao?" [10, tr.127-128]. Có lẽ người đọc không khó để nhận ra, những băn khoăn của nhân vật cũng chính là tâm tư chung của người lính, đầy xót xa nhưng cũng đầy bế tắc. Mặc dù ở những tác phẩm của *Ngụy Ngữ* và Thế Vũ, sự nhận thức không đi đến kết quả rõ ràng và tích cực như ở nhóm trên (với *Trần tuyến âm thầm*, *Còn quê hương để trở về*, *Tiền sinh*,...) nhưng theo chúng tôi đó cũng là những câu hỏi đáng trân trọng. Chúng cho người đọc hiểu thêm về tâm tư của một lớp người vừa bị xem là thủ phạm nhưng cũng lại vừa là nạn nhân của cuộc chiến. Nhiều người trong số họ đã cay đắng nhận ra mỗi viên đạn bắn về phía quê hương cũng là bắn nát tương lai của chính mình. Và với người đọc hôm nay, hiểu hơn về họ không có nghĩa là biện hộ cho họ, mà là để nhìn cuộc chiến và những con người trong đó một cách khách quan hơn.

Như vậy, câu hỏi tự vấn được các cây bút yêu nước sử dụng với hình thức và mục đích đa dạng, góp phần đáng kể vào việc chuyển tải nội dung. Sự kết hợp giữa cấu trúc tự vấn với kỹ thuật dòng ý thức đã giúp người đọc

thâm nhập vào thế giới tâm hồn, tư tưởng của nhân vật một cách tự nhiên, do đó người trần thuật cũng tránh được sự phán xét một chiều. So với truyện ngắn cách mạng (ở miền Bắc và vùng giải phóng) vốn thiên về hành động và thái độ dứt khoát, có lẽ đây là một trong những điểm khác biệt cần lưu ý.

2.2. Sự ám ảnh từ độ dài câu

Xét về độ dài, ở mảng truyện ngắn này có hai dạng câu mà chúng tôi cho là đem lại sự ám ảnh cho người đọc, đó là câu rất ngắn và câu rất dài. Hai loại câu thuộc về hai thái cực này tạo nên hiệu quả nghệ thuật đặc biệt, và rất phù hợp với nội dung phản ánh của tác phẩm.

Về câu ngắn, tạo nên sự ám ảnh nhiều nhất chính là câu đơn đặc biệt, vốn không có đủ thành phần như một cấu trúc cú pháp bình thường. Chúng tôi nhận thấy có hai nội dung mà câu ngắn thường thể hiện: tình cảnh và tâm trạng con người trong những biến cố dữ dội của thời đại. Chẳng hạn đây là cách Võ Hồng miêu tả tình cảnh con người trong chiến tranh:

"Chiến tranh. Chạy giặc. Súng nổ. Bệnh. Đói. Chết."

"Chân sụp xuống nương. Té nằm soài xuống. Lồm cồm ngồi dậy. Chạy. Té. Gượng dậy. Chạy. Không. Không." (Bên đập Đồng Cháy, Võ Hồng) [7, tr.67]

"Giặc giã ùn ùn tràn tới. Đại bác, rốc-kết, bom lựu, tiểu liên, đại liên, cạc-bin, bích kích pháo. Chứa sập. Tượng cháy. Làng xóm tan hoang. Dân chúng tị nạn." (Đôi ngà, Võ Hồng) [4, tr.990]

Ba đoạn văn trên chưa đầy 5 dòng mà gồm 21 câu, trong đó có đến 13 câu chỉ là một từ hoặc cụm từ, 1 câu gồm các từ đơn lẻ liệt kê dồn dập, còn lại là 7 câu đơn hai thành phần nhưng chủ ngữ và vị ngữ được tinh gọn tới đa. Các cấu trúc trên tạo sự dồn dập, gấp gáp cho nhịp điệu câu văn, giúp hình dung tốc độ, tần suất của đủ thứ tai họa giáng xuống đầu người dân. Trong những dẫn chứng trên, có rất ít từ biểu cảm, chủ yếu là từ miêu tả sự

việc, tới tấp, lạnh lùng. Tình cảm của tác giả được giấu kín sau lớp ngôn từ nhưng lại có khả năng tác động, khơi gợi tình cảm mạnh mẽ ở người đọc.

Cũng là dùng câu ngắn, nhưng có khi các tác giả kết hợp với lối lặp cấu trúc để tạo sự ám ảnh:

"Bà con lối xóm đi hết. Vơ vét gạo, củi, đùm túm áo quần đi hết. Lúa bỏ dất trâu đi hết. Quày lúa gánh đường đi hết. Trên Xóm Dương không có tiếng người nói. Dưới Đồng Dài không có tiếng con gà gáy trưa." (Bên đập Đồng Cháy, Võ Hồng) [7, tr.67].

"Chỉ có những câu thơ vụng về của tôi mới chữa được căn bệnh vớ vẩn ấy. Uống nó với nước mắt, úp mặt vào hai tay. Có ai đi lạo xạo trong đầu mình. Có ai buông lời xuống trong tôi. Có ai nhờ tôi nói. Có ai nhờ tôi thờ. Có ai nhờ tôi nghe. Có ai nhờ tôi kêu lên nỗi đau xót chung..." (Nắng đẹp sân trường, Trần Duy Phiên) [9, tr.689].

Đoạn văn của Võ Hồng có 6 câu thì 5 câu là câu đơn đặc biệt, trong đó 4 câu đầu dùng chung cấu trúc "cụm động từ + đi hết", 2 câu sau dùng chung cấu trúc "nơi chốn + không có + cụm danh từ". Tất cả các cấu trúc này tạo nên sự vắng lặng tuyệt đối của xóm làng và nỗi đau của người đàn bà quê không muốn bỏ xứ mà đi. Đoạn văn của Trần Duy Phiên có 8 câu thì tất cả đều khuyết chủ ngữ, trong đó 6 câu cuối lặp lại cùng một cấu trúc ("có ai + cụm động từ"). Đây là một kiểu đầu đóm khác, không gắn với hành động trốn chạy mà gắn với sự dấn vật, tự vẫn, tự nhận thức của nhân vật.

Cũng với câu đặc biệt, câu ngắn, Nguyễn Ngũ lại gây ám ảnh bằng sự liệt kê cộc lốc hàng loạt danh từ: *"Tôi trở về đây từ một cõi không người. Lạ, quen, thân thuộc, cần lao, vô sản, tư bản, khói đá, trực thăng, Mỹ, mọi, Đại Hàn, vàng, đỏ, trắng, đen. (...) Tất cả bỏ đi. Lan, Trúc, Cận, Hữu, Tuy. Chị Khuê."* (Ngày về tìm nhau) [5, tr.73]. Người lính trở về từ nơi đây ấp những thứ hỗn độn đã đè nát cuộc đời anh, nhưng rồi những người thân

yêu của anh cũng ra đi hết. Chỉ còn lại sự vô nghĩa của đời lính và sự cô đơn tận cùng của đời người.

Ở một thái cực khác, mảng truyện ngắn này lại chứa rất nhiều câu dài, cấu trúc trùng điệp, chồng lấn lên nhau. Có khi đó là câu văn kiểu biên ngẫu với các vế sóng đôi như trong *Đám cưới hai u hồn ở chùa Dầu* (Vũ Bằng): “*Có những kẻ trước đây lăm le thay đổi non sông nhưng gặp phải vận cùng thế khuất; có những kẻ màn lan trướng huệ gặp phen thay đổi sơn hà chỉ còn mảnh lá che thân; có những kẻ lâu dài phượng các bây giờ không còn ai bát nước nén nhang; có những kẻ vào sông ra bể, đem thân chôn giấp vào lòng kinh nghê; có những kẻ mắc đoàn tù rạc, gửi mình vào chiếu xác một manh; có những kẻ chìm sông lạc suối, có những người gieo giếng, thất dây; có những đứa trẻ lồi giờ sinh phải lìa mẹ cha từ tấm bé, không có ai bông bế xót xa*” [1, tr.74-75]. Không thuần túy là văn biên ngẫu nhưng trong mỗi vế gần như có vần với nhau, 7 vế là 7 cảnh đời của những oan hồn không nơi nương tựa, làm cho người đọc cảm giác như đang đọc “*Văn chiêu hồn*” của Nguyễn Du. Tưởng chừng kiểu câu này không còn phù hợp với văn chương hiện đại, nhưng trong tác phẩm trên chính nó có sức gợi rất lớn: vừa tạo không khí u ám thê lương, vừa gợi niềm xót thương cho các u hồn, vừa khiến người đọc cảm cảnh mà nghĩ đến hiện tại lăm bấp trắc do chiến tranh tạo ra.

Tuy nhiên, dạng câu dài phổ biến nhất theo ghi nhận của chúng tôi là ở những truyện thiên về tâm trạng nhân vật. Hẳn nhiên truyện thiên về sự kiện cũng có câu dài, nhưng do tính chất thuật sự và do khuôn khổ truyện ngắn, câu thường tương đối gọn gàng (như truyện của Võ Trường Chinh, Huỳnh Ngọc Sơn, Trần Hữu Lục, Trần Duy Phiên, Trần Hồng Quang,...). Trong khi đó xu hướng thiên về dòng ý thức cho phép nhiều tác giả thả dòng cảm xúc, suy tư của mình theo những câu văn dài, nhiều vế,

nhiều cụm nối tiếp nhau. Ở đây không có sự phân biệt rạch ròi về tác giả, vì thế chúng tôi nhắc đến các tác giả sau là gắn với tác phẩm cụ thể chứ không có ý định khái quát toàn bộ câu văn trong toàn bộ sáng tác của họ. Có thể kể đến những trường hợp “sở hữu” nhiều câu văn dài như Biên Hồ (*Những cuộc săn người tàn bạo, Đốt lửa trong đêm, Những ngày bỏ trống*), Phan Du (*Tình máu lửa, Hồi hộp, Xác hoa sứ, Nhớ một cành mai*), và nổi bật là Thế Vũ và Nguyễn Ngữ. Câu văn dài của Thế Vũ và Nguyễn Ngữ rất nhiều và ám ảnh, thường gồm rất nhiều vế chồng lấn, dồn dập, luôn làm người đọc nghẹt thở - không phải vì li kì mà vì bức bối. Đây là câu văn tả những âm thanh ngoài đường phố mà người lính đang nằm bệnh trong nhà nghe thấy: “*Tiếng kêu tiếng chửi thề, tiếng tru tréo; chóc chóc một chiếc xe chạy ngang qua, tiếng động cơ chup trum lên tất cả; rồi xe đi, tất cả lại tranh nhau hiện ra: tiếng gọi đuôi, tiếng trả giá than van lỗ lòi, tiếng cười cợt, tiếng ỳ ỳ của những toán lính Mỹ, tiếng nạt nộ của bọn lính Việt địa phương, tiếng trẻ khóc; và dai dẳng hơn hết, nổi bật lên trên tất cả đó là tiếng rao bán thuốc quảng cáo thổi thận gì của con mụ nói giọng Sài Gòn, thỉnh thoảng tiếng nói làm xam tất nghi nhường chỗ cho những bản nhạc cải cách ba xu kê chêm vào những lính đa tình lạy chúa cho con lấy tình người như chiếc lá xoay*” (*Người nằm mê sáng*, Nguyễn Ngữ) [6, tr.23]. Tình huống này làm người đọc nhớ đến khi Chí Phèo tỉnh rượu, cũng nằm lắng nghe âm thanh bên ngoài. Tình huống tương tự nhưng tác động thì khác hoàn toàn: nếu âm thanh buổi sớm làm thức tỉnh niềm khao khát sống lương thiện bình yên nơi Chí Phèo thì âm thanh hỗn tạp ở đây làm người lính càng thêm mê sáng, không phải vì bệnh mà vì bế tắc. Nhân vật “tôi” trong *Những vòng hoa nguyệt tín* (Thế Vũ) cũng đau đớn khi nhận ra mình không có lối thoát: “*Nhưng qua khuôn mặt hốc hác, bệ rạc trên tấm*

lính, qua mái tóc đã có sợi ngà bạc hơi sớm mà tôi chợt đôi lần khám phá ra, tôi lại tự hỏi liệu mình còn sống được bao lâu nữa, tôi còn tự đánh lừa mình và đánh lừa người khác, xảo trá, nguy tắc trong cái hoàn cảnh phân trác hiện nay bao lâu nữa, và nhất là tôi còn bị người ta tung hô và nguyên rủa, lợi dụng và vô về, lừa đảo và chèn ép bao lâu nữa?" [10, tr.11]. Hai dẫn chứng trên kéo dài từ 5 đến 8 dòng nhưng về mặt cấu trúc chỉ là một câu. Cá biệt có khi một câu văn của Ngụy Ngữ còn dài gần hết một trang báo in (truyện *Trong mưa*). Tính chất liên tục của một câu văn làm người đọc không thể ngừng nghỉ lâu, làm cho hiện thực trong đó hiện lên liên tục và chồng chất - dù là hiện thực xã hội hay hiện thực tâm hồn thì cũng đều ngọt ngào và ám ảnh như nhau. Đọc những câu văn như thế, có cảm giác sự bế tắc, bất lực của nhân vật (chủ yếu là lính) không bao giờ chấm dứt.

Như vậy có thể thấy dù câu dài hay ngắn thì các tác giả cũng đã chứng tỏ sự linh hoạt và có ý thức trong việc phát huy sức mạnh của độ dài câu. Nếu câu ngắn đem lại sự gấp gáp, hồi hả, hoang loạn thì câu dài đem lại không khí ngọt ngào triền miên, giúp người đọc hiểu hơn tình cảnh của nhiều lớp người trong xã hội bấy giờ.

3. Thay lời kết

Truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975 đã có đóng góp đáng kể không chỉ ở nội dung tranh đấu mà còn ở phương diện hình thức nghệ thuật. Cùng với những thủ pháp nghệ thuật như kỹ thuật dòng ý thức, phương thức trần thuật chủ quan, sự dịch chuyển điểm nhìn trần thuật... thì việc phát huy sức mạnh của cú pháp cũng là một yếu tố góp phần làm nên diện mạo hiện đại của mảng truyện ngắn này. Chúng ta có thể mạnh dạn nói rằng, khi thực hiện xong nhiệm vụ đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, nhiều tác phẩm trong mảng này vẫn có vị trí trong nền văn học nước nhà, nhờ

vào chất lượng nghệ thuật của chúng. Hẳn là không phải mọi tác phẩm đều được như vậy, nhưng đây cũng là một dấu hiệu chứng tỏ mảng văn học này không phải là công cụ tuyên truyền nhất thời. Nhiều tác phẩm xứng đáng được xem là một mắt xích trong tiến trình văn học dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Bằng (1970), *Đám cưới hai u hồn ở chùa Dâu, Văn*, số 154, tr.64-77.
2. Nguyễn Văn Dân (2010), *Sức sống dai dẳng của kỹ thuật "dòng chảy ý thức"*, *Nghiên cứu Văn học*, 8, tr.17-29.
3. Hoàng Dũng, Bửu Nam, Ngô Thời Đôn (Chủ biên) (2005), *Viết trên đường tranh đấu*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
4. Võ Hồng (2003), *Tuyển tập Võ Hồng*, Nxb Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Ngụy Ngữ (1970), *Ngày về tìm nhau*, *Vấn đề*, số 30-31.
6. Ngụy Ngữ (1970), *Người nằm mê sáng, Ý thức*, số 6.
7. Nhiều tác giả (1986), *Mùa xuân chim én bay về, Tuyển tập truyện ngắn yêu nước, tiến bộ ở miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb Cửu Long, Cửu Long.
8. Nhiều tác giả (1997), *Tuyển tập truyện ngắn Việt*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
9. Trần Hữu Tá (2000), *Nhìn lại một chặng đường văn học*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
10. Thế Vũ (2001), *Những vòng hoa nguy tín*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.

Abstract: In this paper, we study the dimension of syntax in patriotic short stories in urban areas in Southern Vietnam between 1965 and 1975. Many of these patriotic writers used sentence structure as a genuine artistic means. Rhetorical questions, lengthy or very short sentences made a deep impression on readers.

Key words: patriotic short stories; urban areas in Southern Vietnam; syntax; rhetorical questions.